

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 129/2009/TT-BTC

Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2009

BỘ CÔNG THƯƠNG

ĐẾN

Số:.....

Ngày:.....

Chuyên:.....

THÔNG TƯ**Quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí
thực hiện Đề án Đơn giản hoá thủ tục hành chính trên các lĩnh vực
quản lý nhà nước giai đoạn 2007-2010**

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu, tổ chức của Bộ Tài chính;

Thực hiện Quyết định số 30/QĐ-TTg ngày 10/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Đơn giản hoá thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước giai đoạn 2007-2010;

Thực hiện Quyết định số 07/QĐ-TTg ngày 04/01/2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch thực hiện Đề án Đơn giản hoá thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước giai đoạn 2007-2010;

Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án Đơn giản hoá thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước giai đoạn 2007-2010 (Đề án 30) như sau:

Điều 1. Đối tượng và phạm vi thực hiện**1. Đối tượng:**

a) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp;

b) Tổ công tác chuyên trách của Thủ tướng Chính phủ về cải cách thủ tục hành chính;

c) Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính;

d) Tổ công tác thực hiện Đề án 30 của các Bộ, ngành, địa phương.

2. Phạm vi:

Các quy định tại Thông tư này được áp dụng cho các hoạt động triển khai thực hiện Quyết định số 07/QĐ-TTg ngày 04/01/2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch thực hiện Đề án Đơn giản hoá thủ tục hành chính trên các

lĩnh vực quản lý nhà nước giai đoạn 2007-2010 tại các Bộ, ngành, địa phương và các Tổ công tác chuyên trách theo chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 2. Nguồn kinh phí

1. Kinh phí bảo đảm cho việc thực hiện Đề án 30 tại các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ do ngân sách trung ương bảo đảm.

2. Kinh phí bảo đảm cho việc thực hiện Đề án 30 tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương do ngân sách địa phương bảo đảm.

Điều 3. Nội dung chi, mức chi đối với các hoạt động thực hiện 3 giai đoạn của Đề án 30

1. Các nội dung chi và mức chi cho các hoạt động thực hiện Đề án 30 thực hiện theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu tài chính hiện hành đối với cơ quan quản lý nhà nước.

2. Thông tư này hướng dẫn một số mức chi có tính chất đặc thù, cụ thể theo quy định tại Phụ lục đính kèm.

Điều 4. Nội dung chi, mức chi đối với các hoạt động thường xuyên của Tổ công tác chuyên trách và Tổ công tác của các Bộ, ngành, địa phương

1. Chi cho việc triển khai các hoạt động của giai đoạn thống kê, rà soát thực hiện theo quy định tại Thông tư số 120/2007/TT-BTC ngày 15/10/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra từ nguồn vốn sự nghiệp của ngân sách nhà nước; Thông tư liên tịch số 158/2007/TTLT-BTC-BTP ngày 28/12/2007 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp hướng dẫn về quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ cho công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật.

2. Chi xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trình cấp có thẩm quyền thực hiện theo quy định tại Thông tư số 100/2006/TT-BTC ngày 23/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật.

3. Chế độ công tác phí: mức khoán 400.000 đồng/người/tháng, áp dụng cho các thành viên Tổ công tác phải thường xuyên đi công tác bình quân trên 20 ngày/1 tháng. Các trường hợp còn lại thực hiện theo quy định tại Thông tư của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và các đơn vị sự nghiệp.

4. Chế độ điện thoại: mức khoán 200.000 đồng/người/tháng, áp dụng cho các thành viên chuyên trách của Tổ công tác trong thời gian triển khai giai đoạn thống kê, giai đoạn rà soát của Đề án 30.

Đối với các thành viên kiêm nhiệm của Tổ công tác, tùy từng trường hợp cụ thể mà Bộ trưởng các Bộ, cơ quan ngang Bộ; Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính

phù; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xem xét, quyết định.

5. Chế độ tổ chức các cuộc họp:

Đối với các cuộc họp theo chuyên đề, họp nhóm chuyên môn, họp đề giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện đề án (không bao gồm các cuộc họp định kỳ), đơn vị chủ trì tổ chức họp được áp dụng mức chi:

- Người chủ trì cuộc họp: 150.000 đồng/người/buổi;
- Các thành viên tham dự: 70.000 đồng/người/buổi.

6. Chi tổ chức hội nghị chuyên môn, sơ kết, tổng kết; chi hoạt động kiểm tra, đôn đốc các bộ, ngành, địa phương: thực hiện theo quy định tại các Thông tư của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và các đơn vị sự nghiệp.

7. Thuê chuyên gia:

Căn cứ vào mức độ cần thiết triển khai các hoạt động và khả năng kinh phí; Bộ trưởng các Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (hoặc người được ủy quyền) quyết định việc thuê chuyên gia, mức thuê tối đa không quá 4.800.000 đồng/1 người/tháng. Số lượng chuyên gia và thời gian thuê chuyên gia thực hiện theo quy định tại Quyết định số 07/QĐ-TTg ngày 04/01/2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch thực hiện Đề án Đơn giản hoá thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước giai đoạn 2007-2010.

8. Chi làm thêm giờ, nghỉ phép năm:

Thực hiện theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ, công chức, viên chức.

Trong trường hợp vì yêu cầu công việc, thành viên Tổ công tác không được bố trí nghỉ phép năm thì số ngày phép đó được tính trả lương như những ngày làm việc thực tế.

9. Chi hoạt động của Trang tin điện tử của Tổ công tác (xây dựng nội dung trang Web, nhập liệu nội dung, viết bài, viết tin, duyệt tin, nhập tin, chụp ảnh, sưu tầm ảnh, quản lý trang tin điện tử...): thực hiện theo quy định tại Thông tư số 137/2007/TT-BTC ngày 28/11/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử; Thông tư liên tịch số 43/2008/TTLT-BTC-BTTTT ngày 26/5/2008 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí chi ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

10. Chi dịch thuật:

Thực hiện theo quy định của về mức chi dịch thuật được quy định tại Thông tư của Bộ Tài chính về chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước.

11. Chi mua sắm hàng hoá, dịch vụ như thiết kế đồ họa, quảng cáo, in ấn, mua sắm trang thiết bị, dịch vụ ứng dụng công nghệ thông tin...: tổ chức mua sắm theo quy định tại Thông tư số 63/2007/TT-BTC ngày 15/6/2007 của Bộ Tài chính; Thông tư số 131/2007/TT-BTC ngày 05/11/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2007/TT-BTC ngày 15/6/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện đấu thầu mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước bằng vốn nhà nước.

12. Chi tổ chức các hội thi: vận dụng các quy định tại Thông tư số 52/2007/TT-BTC ngày 21/5/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính cho hoạt động hội thi sáng tạo kỹ thuật để thực hiện.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định mức chi

Các mức chi quy định tại Thông tư này là mức chi tối đa. Căn cứ vào tình hình thực tế, tính chất phức tạp của từng nhiệm vụ chi và khả năng ngân sách; Bộ trưởng các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quy định mức chi cụ thể cho phù hợp, đảm bảo không vượt quá mức chi quy định tại Thông tư này.

Điều 6. Lập, chấp hành dự toán và quyết toán kinh phí

Việc lập, chấp hành dự toán và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định hiện hành, Thông tư này hướng dẫn một số điểm cụ thể như sau:

1. Lập dự toán:

a) Hàng năm, vào thời gian lập dự toán ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước; căn cứ vào kế hoạch hoạt động và các nhiệm vụ được giao; các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện các hoạt động thực hiện Đề án 30 có trách nhiệm xây dựng dự toán kinh phí cần thiết thực hiện các nhiệm vụ của năm kế hoạch, tổng hợp chung trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của cơ quan, đơn vị mình, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Tổ công tác thực hiện Đề án 30 của các Bộ, cơ quan trung ương và các địa phương có trách nhiệm giúp Thủ trưởng cơ quan, đơn vị xây dựng dự toán kinh phí cần thiết đảm bảo thực hiện Đề án 30 của cơ quan, đơn vị; tổng hợp chung vào dự toán chi ngân sách thường xuyên cơ quan, đơn vị; gửi cơ quan tài chính cùng cấp để tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Tổ công tác chuyên trách của Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính xây dựng dự toán kinh phí cần thiết đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ được giao, gửi về Văn phòng Chính phủ (đơn vị dự toán Cấp I)

tổng hợp chung vào dự toán chi ngân sách thường xuyên của Văn phòng Chính phủ gửi cơ quan tài chính cùng cấp để tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Phân bổ và giao dự toán: Căn cứ dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có trách nhiệm phân bổ và giao dự toán kinh phí cho các đơn vị trực thuộc (trong đó bao gồm cả kinh phí thực hiện Đề án 30) sau khi có ý kiến thẩm tra của cơ quan tài chính cùng cấp.

3. Sử dụng và quyết toán kinh phí:

a) Kinh phí thực hiện Đề án 30 được phân bổ và quyết toán theo quy định hiện hành; cuối năm chưa sử dụng hết được chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng cho các hoạt động thực hiện Đề án 30.

b) Kinh phí thực hiện Đề án 30 chỉ cho nội dung nào thì hạch toán vào mục chi tương ứng của mục lục ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

c) Cuối năm quyết toán kinh phí thực hiện Đề án 30, tổng hợp chung vào quyết toán ngân sách hàng năm của cơ quan, đơn vị theo quy định.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký.

2. Riêng năm 2009 các Bộ, cơ quan trung ương và các địa phương bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách đã được giao để thực hiện Đề án 30, đảm bảo tiến độ theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ.

3. Đối với các khối lượng công việc các Bộ, ngành, địa phương đã triển khai thực hiện trước khi Thông tư này có hiệu lực, các Bộ, ngành, địa phương căn cứ quy định tại Thông tư này và chứng từ chi tiêu thực tế, hợp lệ để quyết toán kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

4. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết ./.

Nơi nhận: *Handwritten signature*

- VPQH, VPCTN;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND, Sở Tài chính, KBNN các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ HCSN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phạm Sỹ Danh



**Nội dung chi, mức chi đảm bảo hoạt động thống kê, rà soát
thuộc Đề án 30**

(Kèm theo Thông tư số 129/2009/TT-BTC ngày 24/6/2009))

S TT	Tên hoạt động	Mức chi
1	Giai đoạn chuẩn bị triển khai	
1.1	Xây dựng nội dung chương trình, kế hoạch	1.500.000 đồng/nội dung
1.2	Nghiên cứu xây dựng tài liệu hướng dẫn triển khai, biểu mẫu thống kê, rà soát	50.000 đồng/trang
2	Giai đoạn thống kê	
2.1	Nghiên cứu lập danh mục thủ tục hành chính, mẫu đơn, mẫu tờ khai của 21 bộ và 63 địa phương	50.000 đồng/trang.
2.2	Chi xây dựng phương án thống kê	1.000.000 đồng/1 đề cương tổng quát 1.500.000/đề cương chi tiết
2.3	Xây dựng biểu mẫu thống kê	500.000 đồng/phiếu đến 30 chi tiêu 1.000.000 đồng/phiếu trên 30 chi tiêu
2.4	Tổ chức tập huấn nghiệp vụ thống kê - Thuê hội trường, tài liệu - Bồi dưỡng giảng viên	Chi thực tế 300.000 đồng/người/buổi
2.5	Tổ chức điền biểu mẫu thống kê	30.000 đồng/biểu mẫu
2.6	Kiểm soát chất lượng thống kê	15.000 đồng - 80.000 đồng/thủ tục
2.7	Nhập cơ sở dữ liệu về kết quả thống kê - Nhập dữ liệu có cấu trúc - Nhập dữ liệu phi cấu trúc - Nhập dữ liệu lên phần mềm máy xén thủ tục hành chính	250 đồng/1 trường 7.800 đồng/trang 20.000 đồng/1 thủ tục
2.8	Xây dựng báo cáo kết quả thống kê hàng tháng; Báo cáo tổng hợp kết quả thống kê của các bộ, ngành và địa phương; báo cáo Kiểm soát chất lượng thống kê thủ tục hành chính (bao gồm tổng hợp số liệu, phân tích số liệu điều tra);	500.000 đồng - 3.000.000 đồng/báo cáo
2.9	Xây dựng bộ cơ sở dữ liệu các cấp dưới hình thức văn bản quy phạm pháp luật	10.000.000 đồng/1 bộ
2.10	Xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả thống kê	5.000.000 đồng-10.000.000 đồng/1 báo cáo (gồm cả báo cáo chính và báo cáo tóm tắt)
3	Giai đoạn rà soát	
3.1	Chi xây dựng phương án rà soát	1.000.000 đồng/1 đề cương tổng quát 1.500.000/đề cương chi tiết

3.2	Xây dựng biểu mẫu rà soát	500.000 đồng/phiếu đến 30 chỉ tiêu 1.000.000 đồng/phiếu trên 30 chỉ tiêu
3.3	Tổ chức tập huấn nghiệp vụ rà soát cho Tổ công tác của bộ, ngành và địa phương - Thuê hội trường, tài liệu - Bồi dưỡng giảng viên	Chi thực tế 300.000 đồng/người/buổi
3.2	Tổ chức điền biểu mẫu rà soát	80.000 đồng/biểu mẫu
3.3	Rà soát độc lập về thủ tục hành chính của các lĩnh vực; kiểm soát chất lượng kết quả rà soát của 24 bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và 63 địa phương	15.000 đồng - 80.000 đồng/thủ tục
3.4	Xây dựng báo cáo kết quả rà soát hàng tháng; Xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả rà soát của bộ, ngành, địa phương(bao gồm cả tổng hợp số liệu kết quả rà soát)	500.000 đồng - 3.000.000 đồng/báo cáo
3.5	Nghiên cứu, xây dựng báo cáo phương án trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bãi bỏ hoặc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý của các cấp chính quyền	1.500.000 đồng - 2.500.000 đồng/văn bản
4	Xây dựng dự thảo văn bản	
4.1	Báo cáo tổng kết công tác của Tổ công tác chuyên trách; Báo cáo tổng kết Đề án 30	3.000.000 đồng/báo cáo của Tổ công tác chuyên trách; 10.000.000 đồng/Báo cáo tổng kết Đề án 30
4.2	Dự thảo văn bản trình cấp có thẩm quyền về đơn giản hóa thủ tục hành chính; Xây dựng Dự thảo Nghị định về tiếp nhận xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về các quy định hành chính và Dự thảo Nghị định kiểm soát thủ tục hành chính; các văn bản có liên quan của các Bộ, ngành, địa phương	Thực hiện theo Thông tư số 100/2006/TT-BTC ngày 23/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật.
5	Hoạt động truyền thông	
5.1	Xây dựng Kế hoạch chiến lược truyền thông; Xây dựng nội dung truyền thông chuyên đề chương trình; Xây dựng báo cáo, đánh giá kết quả	1.500.000 đồng/nội dung